

Số: 213 /QĐ-ĐHTNH-QLKH

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2336/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 18/8/2016;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 10/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội về chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học,

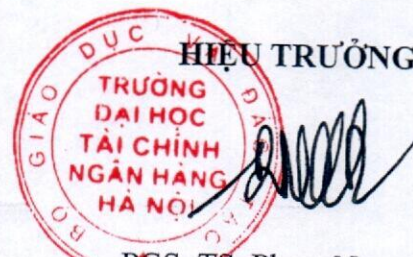
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “*Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019. Trường các Khoa, Bộ môn, Phòng, Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HDQT, BKS, BGH (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu VT.



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-ĐHTNH ngày 31/10 /2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

- **Ngành đào tạo:** Công nghệ thông tin. Mã số: 7480201.
- **Trình độ đào tạo:** Đại học.
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội nhằm đào tạo **Cử nhân Công nghệ thông tin**, khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên môn toàn diện; kỹ năng thực hành cơ bản; có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn; có năng lực tư duy sáng tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể (Program Specific Objectives- PSO)

Chương trình đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin trang bị cho sinh viên:

PSO 01: Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (toán học, xác suất thống kê), lý luận chính trị, pháp luật, ngoại ngữ (tiếng Anh) giúp sinh viên có khả năng làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp.

PSO 02: Kiến thức cơ sở ngành công nghệ thông tin, giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu, giải quyết những vấn đề ứng dụng tin học trong các doanh nghiệp.

PSO 03: Kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, phát triển ứng dụng; xây dựng mạng máy tính; quản trị, vận hành và bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp.

PSO 04: Kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng phần mềm ứng dụng; phân tích, đánh giá hoạt động của mạng máy tính, an toàn thông tin để ứng dụng vào thực tế doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh.

PSO5: Kỹ năng quản trị, vận hành và bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng của doanh nghiệp.

PSO6: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, nghiên cứu, phản biện khoa học. Kỹ năng giao tiếp, thương thảo, thuyết trình trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

PSO7: Có phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Có

đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Có ý thức trách nhiệm, có hoài bão về nghề nghiệp; có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

2.1.1 Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, về đường lối của cách mạng Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách về an ninh, quốc phòng Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (toán học, xác suất thống kê) và tiếng Anh trong các hoạt động chuyên môn.

2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành công nghệ thông tin để giải quyết những vấn đề ứng dụng tin học trong doanh nghiệp.

2.1.3 Kiến thức chuyên ngành

PLO4: Vận dụng được các kiến thức về phân tích, thiết kế, xây dựng phần mềm để giải quyết các bài toán ứng dụng tin học trong doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh nói riêng.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để thiết kế, xây dựng các mạng máy tính; vận hành và bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

PLO6: Xây dựng được phần mềm, mạng máy cho doanh nghiệp; quản trị, vận hành, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; đánh giá hoạt động của hệ thống mạng máy tính trong doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh nói riêng.

2.2.2 Kỹ năng mềm

PLO7: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, nghiên cứu, phản biện khoa học.

PLO8: Có kỹ năng giao tiếp, thương thảo, thuyết trình trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PLO9: Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng; có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Có đạo đức nghề nghiệp; ý thức kỷ luật; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Có hoài bão về nghề nghiệp; năng động, sáng tạo. Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc tại các cơ quan nhà nước; các trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT và các tổ

chức tài chính, ngân hàng:

- Làm kỹ thuật viên tin học trong các tổ chức, đơn vị phát triển và ứng dụng CNTT, trong các đơn vị đào tạo, nghiên cứu về CNTT.

- Lập trình viên, thành viên hoặc trưởng nhóm phát triển phần mềm.

- Chuyên viên quản trị mạng, phụ trách quản trị hệ thống máy tính của cơ quan, đơn vị.

- Chuyên viên tư vấn dịch vụ công nghệ thông tin trong các đơn vị, doanh nghiệp trong hầu hết các lĩnh vực khác nhau của xã hội hiện đại.

- Giáo viên Tin học trong các Trung tâm, các trường: Phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học nói chung.

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng:

- Tự học, tiếp cận với các kiến thức, công nghệ mới.

- Tham gia các khóa đào tạo chuyên đề cập nhật kiến thức, phục vụ chuyên môn.

- Tiếp tục học các bậc học sau đại học.

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm, học theo tiến độ phù hợp với Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 134 tín chỉ.

6.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>			47
1.1	Lý luận chính trị	11		11
1.2	Khoa học tự nhiên	9		9
1.3	Khoa học xã hội	2	2	4
1.4	Ngoại ngữ	12		12
1.5	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh	11		11
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>			87
2.1	Cơ sở khối ngành	6	2	8
2.2	Cơ sở ngành	18	6	24

2.3	Chuyên ngành	39	6	45
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	6		6
	Tổng cộng			134

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện, có nguyện vọng được tuyển vào Trường theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

8.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

8.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo hệ thống tín chỉ và Quy định chuẩn đầu ra của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

9. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A,B,C,D,F.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP	NỘI DUNG CT ĐÀO TẠO	SỐ TC
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	134
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	47
<i>1.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	<i>41</i>
1.1.1		Lý luận chính trị (Political theory)	11
1	DCB.03.01	Triết học Mác-Lê nin	3

2	DCB.03.02	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2
3	DCB.03.03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	DCB.03.04	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2
1.1.2		Khoa học tự nhiên, tin học (Natural sciences, informatics)	9
6	DCT.01.01	Toán cao cấp 1 (Advanced mathematics 1)	2
7	DCT.01.02	Toán cao cấp 2 (Advanced mathematics 2)	3
8	DCB.05.13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2
9	DCT.02.01	Tin học đại cương (General Information Technology)	2
1.1.3		Ngoại ngữ (Foreign language)	8
10	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4
11	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4
12	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4
1.1.4		Giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh	11
13		<i>Giáo dục Thể chất (Physical education)</i>	3
14	DCB.01.09	GD thể chất 1 (Physical education 1)	1
15	DCB.01.06	GD thể chất 2 (Physical education 2)	1
16	DCB.01.07	GD thể chất 3 (Physical education 3)	1
		<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i> (National defense and security education)	8
17	DCB.01.01	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam (Military policies of the Communist Party of Vietnam)	3
18	DCB.01.02	GDQP 2: Công tác quốc phòng (Defense mission)	2
19	DCB.01.03	GDQP 3: Quân sự chung và kỹ chiến thuật bộ binh (General military and infantry tactics)	3
1.1.5		<i>Xã hội</i>	
20	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2
1.2		Các học phần tự chọn	2
21	DCB.03.09	Kỹ năng thuyết trình và soạn thảo văn bản (Writing&Presentation)	2
22	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	87

2.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	8
2.1.1		Các học phần bắt buộc	6
23	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3
24	DCT.02.03	Tin cơ sở (Basic Information Technology)	3
2.1.2		Các học phần tự chọn	2
25	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2
26	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2
2.2		Kiến thức cơ sở ngành	24
2.2.1		Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	18
27	DCT.02.04	Toán rời rạc ứng dụng cho Tin học (Discrete math for IT)	3
28	DCT.02.05	Kiến trúc máy tính và Nguyên lý hệ điều hành (Computer Architecture and Operating System Principles)	3
29	DCT.02.06	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data structures and algorithms)	3
30	DCT.02.07	Nhập môn mạng máy tính (Introductory computer network)	3
31	DCT.02.08	Hệ cơ sở dữ liệu (Database system)	3
32	DCT.02.09	Lập trình hướng đối tượng (C++) (Object oriented programming with C++)	3
2.2.2		Các học phần tự chọn (Elective courses)	6
33	DCT.02.12	Phân tích, thiết kế hướng đối tượng (Object-Oriented Analysis and Design)	3
34	DCT.02.11	Hệ quản trị CSDL SQL Server (Database management system SQL Server)	3
35	DCT.02.20	Điện toán đám mây (Cloud computing)	3
36	DCT.02.22	Lập trình trực quan C# (Visual programming with C#)	3
37	DCT.02.23	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động (Developing applications on mobile devices)	3
2.3		Kiến thức chuyên ngành	45
2.3.1		Kiến thức chuyên ngành chung	23
		Các học phần bắt buộc	17
38	DCB.04.09	Tiếng Anh 4 (English 4_ cho tài chính, kế toán, ngân hàng, QTKD)	4

39	DCB.04.11	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT (English for Computer users)	4
40	DCT.02.10	Công nghệ phần mềm (Software Engineering)	3
41	DCT.02.13	Quản trị mạng (Network administrator)	3
42	DCT.02.21	An toàn và bảo mật thông tin (Safety and security information)	3
		Các học phần tự chọn (Elective courses)	6
43	DCT.02.19	Lập trình trực quan Java (Java visual programming)	3
44	DCT.02.24	Phần mềm mã nguồn mở và Linux (Open Source Software and Linux)	3
45	DCT.02.25	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) (Enterprise Resource Planning)	3
46	DCT.02.26	Thiết kế Hệ thống thương mại điện tử (Design E-commerce System)	3
47	DCT.02.27	Hệ thống ngân hàng lõi (Core banking)	3
2.3.2		Kiến thức chuyên ngành Tin ứng dụng	22
47	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	2
48	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ (Theory of finance and money)	3
49	DQK.02.01	Quản trị học (Management studies)	2
50	DCT.02.14	Thương mại và ngân hàng điện tử (Commercial and electronic banking)	3
51	DCT.02.15	Ứng dụng Tin học trong Kế toán (Applied Informatics in Accounting)	3
52	DCT.02.16	Ứng dụng Tin học trong Ngân hàng (Applied Informatics in Banking)	3
53	DCT.02.17	Ứng dụng Tin học trong Tài chính (Applied Informatics in Finance)	3
54	DCT.02.18	Ứng dụng Tin học trong Quản trị kinh doanh (Applied Informatics in Business Administration)	3
2.3.3		Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp	10
55	DCT.02.28	Thực tập cuối khóa	4
56	DCT.02.29	Khóa luận tốt nghiệp	6

11. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (được chi tiết theo từng học kỳ)

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình tuân thủ chặt chẽ chương trình khung trình độ giáo dục đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình áp dụng theo Quy chế 43/QĐ-BGDĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hàng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh